

Một số ý kiến về phát triển thương mại theo hướng bền vững ở nước ta

NGUYỄN DANH SƠN

*B*ài viết nêu bật quan điểm, đường lối và chính sách nhất quán của Đảng và Chính phủ Việt Nam về theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững. Tuy nhiên, thực trạng phát triển vừa qua cho thấy Việt Nam chưa đủ các điều kiện để thực hiện chúng một cách triệt để. Thậm chí có những lĩnh vực đang buộc phải chấp nhận chưa đạt được mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có thương mại. Qua phân tích thực trạng, tác giả đã nêu lên một số hàm ý chính sách về phát triển thương mại bền vững.

1. Về yêu cầu phát triển bền vững trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và phát triển thương mại giai đoạn 2011 - 2020

Theo "Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam"¹ thì phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt, gồm: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn, toàn diện hơn các nhu cầu của con người thế hệ hiện tại và mai sau. Yêu cầu tổng quát của phát triển bền vững là đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau.

Về lý thuyết, sự kết hợp như vậy cần được đảm bảo sớm nhất và được thể hiện ngay từ khi hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển. Tuy vậy, trong thực tế phát triển của các nước nghèo, đang phát triển, thì việc đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại vấp phải mâu thuẫn khó giải khi phải tính đến đồng thời cả 3 mặt của phát triển bền vững (kinh tế, xã hội, môi trường), chứ chưa nói đến yêu cầu đáp ứng nhu cầu tương lai cho các thế hệ sau. Tính chất khó giải này là ở chỗ các nước nghèo, đang phát triển không đủ nguồn lực cần thiết cho sự kết hợp đồng thời như vậy. Nguồn lực ở đây không chỉ là vốn kinh tế (tài chính, nhân lực, công nghệ,...) mà còn cả

vốn xã hội (nhận thức, lòng tin, mạng lưới xã hội,...). Sự tính toán, cân nhắc giải quyết mâu thuẫn ấy trong thực tiễn phát triển của nhiều nước đang phát triển thường đi theo hướng ưu tiên, hoặc chú trọng nhiều hơn tới mặt nào đó (thường là kinh tế, xã hội) cho đến khi có khả năng hỗ trợ, nâng cấp phát triển các mặt mà trước đây chưa được ưu tiên hoặc chú trọng nhiều. Với sự lựa chọn cách giải quyết như vậy, bên cạnh khái niệm "phát triển bền vững" đã xuất hiện khái niệm "phát triển hài hòa" hàm chứa bản chất tương tự phát triển bền vững, nhưng "mềm" hơn về nội hàm. Cụ thể, Trung Quốc sử dụng khái niệm xây dựng xã hội "phát triển hài hòa" với hàm nghĩa nơi nào đủ nguồn lực thì đảm bảo kết hợp hài hòa các mặt của phát triển, còn nơi nào chưa đủ khả năng thì ưu tiên hoặc chú trọng nhiều hơn tới tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội, đồng thời quan tâm giải quyết các vấn đề môi trường nảy sinh. Trên thế giới cũng đã xuất hiện khái niệm "ngưỡng phát triển"², theo đó khi trình độ phát triển còn ở một mức độ nhất định (dưới ngưỡng) thì vẫn

Nguyễn Danh Sơn, PGS. TS., Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 153/2004/QĐ-TTg ngày 18-2004.

² Cụ thể có thể tham khảo tài liệu: Bộ KH&ĐT-UNDP/Dự án VIE01/021, "Ngưỡng phát triển và quan điểm về phát triển bền vững đối với Việt Nam", Báo cáo tại Hội thảo quốc tế, tổ chức tại Hà Nội, tháng 3-2002.

phải chấp nhận (ở mức độ nào đó) ô nhiễm môi trường. Trong báo cáo tham luận trình bày của Dự án VIE 01/021 của Bộ Kế hoạch và đầu tư (KH&ĐT)-UNDP tại Hội thảo quốc tế về Phát triển bền vững, do Bộ KH&ĐT tổ chức tại Hà Nội, tháng 3-2002, có tiêu đề "Ngưỡng phát triển và quan điểm về phát triển bền vững đối với Việt Nam" đã nêu khái niệm về "ngưỡng" là "một điểm, một mức, một giá trị, mà ở trên đó thì có thể xảy ra một hiện tượng nhất định, còn ở dưới đó thì không xảy ra" và đề xuất thừa nhận "ngưỡng phát triển" (sơ bộ tính toán đối với nước ta là ở mức GDP/người đạt khoảng 1000-2000 USD) với khuyến nghị cần tích cực kéo ngưỡng xuống thấp hơn để tránh các hậu quả phải trả giá lâu dài.

Ở nước ta trong những năm qua, nếu xét theo kết quả phát triển và những tác động³ thì có thể thấy rằng một cách không chính thức (và có thể cả vô thức, không chủ đích) có một "ngưỡng phát triển" được hình thành. ở hầu hết các lĩnh vực phát triển cấp trung ương và cấp địa phương đều ghi nhận sự ưu tiên hoặc chú trọng nhiều hơn tới tăng trưởng kinh tế và một số khía cạnh phát triển xã hội (xóa đói giảm nghèo, việc làm, an sinh xã hội,...), còn bảo vệ môi trường thì chủ yếu là nhằm vào giải quyết các vấn đề môi trường nảy sinh (khắc phục, xử lý, phục hồi ô nhiễm môi trường,...), ít mang tính chất phòng ngừa, ngăn ngừa ô nhiễm. Các đánh giá, tổng kết thực hiện quản lý phát triển chính thức của các cơ quan lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước các cấp (trung ương và địa phương) đều ghi nhận thực trạng này như là nguyên nhân chính làm cho sự phát triển của đất nước còn thiếu tính bền vững. Nghị quyết số 27-NQ/TƯ, ngày 6-8-2008, Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã chỉ ra hiện tượng trong lãnh đạo, quản lý mới chỉ chú trọng đến vốn tiền, vật chất mà chưa coi trọng, chú trọng đầy đủ tới các mặt, khía cạnh khác của phát triển. Trong bài viết gần đây của Thủ tướng Chính phủ cũng lưu ý rằng "Trong quản lý, điều hành còn thiên về

tốc độ tăng trưởng mà chưa coi trọng đúng mức đến chất lượng tăng trưởng và tính bền vững của sự phát triển"⁴ Đánh giá giữa kỳ của Bộ KH&ĐT về thực hiện Kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 đã xác nhận: "Trong tổ chức thực hiện, vẫn thiếu một cái nhìn bao quát về các khía cạnh liên quan với nhau trong quá trình phát triển đất nước"⁵.

Trong lĩnh vực hoạt động thương mại, bên cạnh các kết quả, thành tựu to lớn và quan trọng mà các sản phẩm hàng hóa của Việt Nam đạt được trong những năm qua, thì nhìn từ góc độ phát triển bền vững có một nghịch lý hiện nay là các kết quả, thành tựu này càng lớn thì càng nhiều nguy cơ đối với đảm bảo tính bền vững trong phát triển.

Về tài nguyên và môi trường, qua tổng kết đánh giá quá trình phát triển chung của đất nước cũng như của các bộ ngành, địa phương thời gian qua, đã có nhận xét là nhìn chung nhiều sản phẩm hàng hóa hiện nay của chúng ta tiêu hao nhiều hơn nguyên vật liệu và năng lượng từ một lần rưỡi cho đến vài ba lần và mức thải cũng cao như vậy tính trên 1 đơn vị sản phẩm cùng loại⁶. Trong thương mại quốc tế, cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của đất nước thể hiện đậm nét hàm lượng cao về tiêu hao nguyên vật liệu và năng lượng, hay nói theo cách nói của kinh tế học phát triển là sản phẩm thâm dụng nguyên vật liệu và năng lượng (material & energy intensive goods). Các

³ Trong quản lý phát triển người ta thường phân biệt kết quả (outputs) là những gì thu được, gặt hái được với tác động (outcomes) là những hệ quả từ kết quả.

⁴ Bài viết có tiêu đề "Phát triển nhanh và bền vững là quan điểm xuyên suốt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta", đăng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ (chinhphu.vn), ngày 16-7-2010.

⁵ Nguồn: Bộ KH&ĐT-UNDP, Báo cáo nghiên cứu đánh giá giữa kỳ dựa trên kết quả "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010", H, tháng 5 - 2009, 114.

⁶ Theo số liệu của Tổ chức năng lượng thế giới, năm 2008 mức tiêu hao năng lượng của Việt Nam là 0,82Kwh/USD-GDP, cao hơn các nước đang phát triển trong khu vực. Hiện tại, cường độ tiêu thụ năng lượng trong công nghiệp của Việt Nam cao hơn Thái Lan và Malaixia khoảng 1,5-1,7 lần.

sản phẩm xuất khẩu đứng ở tốp đầu trong cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của đất nước, thậm chí hàng đầu trên thế giới trong nhiều năm qua lại là các hàng hóa có mức độ chế biến thấp, thậm chí chỉ là sơ chế⁷. Tình trạng này cũng có nghĩa là càng xuất khẩu nhiều thì càng thâm dụng tài nguyên và năng lượng, càng tăng sức ép tới môi trường. Một nghiên cứu gần đây (2010) của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và môi trường phục vụ cho soạn thảo Kế hoạch tổng thể phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đến môi trường trong nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cho thấy rằng, trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu nước ta, các mặt hàng nhạy cảm về môi trường như nông sản, thủy sản, lâm sản, khoáng sản chiếm tới gần 50% (2009). Đây là nhóm hàng có nguồn gốc đa dạng sinh học mà việc khai thác chế biến có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường, ảnh hưởng đến phát triển và bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên không tái tạo.

Về xã hội, cũng do các sản phẩm hàng hóa của chúng ta còn là thâm dụng nhiều nguyên vật liệu và năng lượng, mức độ chế biến còn thấp, nên giá trị sản phẩm hàng hóa cũng thấp. Tình trạng này lại được khuếch đại lên bởi cạnh tranh giá cả trong thương mại quốc tế giữa mặt hàng chế biến thô với mặt hàng chế biến sâu ngày càng doãng xa, nên không chỉ doanh thu của hàng xuất khẩu Việt Nam nói chung là thấp, mà thu nhập của người lao động ở khâu đầu tiên trong chuỗi giá trị sản phẩm (cả ở trong nước và cả trên phạm vi toàn cầu) lại càng thấp hơn. Người lao động ở khâu đầu tiên của chuỗi giá trị sản phẩm Việt Nam tham gia thị trường là những người vốn dĩ thuộc loại thu nhập thấp, đặc biệt là nông dân. Sự thua thiệt về thu nhập này càng làm tăng mức độ bất bình đẳng về xã hội đối với nhóm người có thu nhập thấp trong xã hội. Các phương tiện thông tin đại chúng (truyền thông) cũng như các nhà khoa học, các nhà quản lý cũng đều cảnh

báo về hiện trạng này, đặc biệt là đối với nông dân.

Về kinh tế cũng lưu ý thêm rằng các con số đầy ấn tượng về tăng trưởng kinh tế, trong đó có thương mại nói chung và về xuất khẩu nói riêng cho đến nay ở nước ta còn đang ẩn chứa một sự lãng quên về bù đắp các tổn thất môi trường và tài nguyên. Cụ thể là các chi phí cho bảo vệ môi trường. Thế giới hiện đang hướng tới và chuyển sang sự tăng trưởng xanh với hàm ý là sự tăng trưởng có tính tới các chi phí môi trường. Các tính toán sơ bộ cho thấy con số bị lãng quên này ở các nền kinh tế trên thế giới là khá lớn, khoảng 2-3% GDP của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, một số tổ chức quốc tế (WB, UNDP,...) và các nhà kinh tế Việt Nam cũng ước lượng chi phí tổn thất môi trường và tài nguyên cần được bù đắp còn lớn hơn, khoảng 3 - 4% GDP hàng năm, do tích lũy các vấn đề môi trường trong thời gian dài. Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong những năm qua đạt mức tăng trưởng khá cao, khoảng trên 20% (giai đoạn 2006-2008 mức tăng bình quân 24,6%/năm) nhưng theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và đầu tư thì mức tăng mạnh như vậy chủ yếu là do "giá của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực như dầu thô, nông sản, một số khoáng sản tăng mạnh. Nếu loại trừ yếu tố này thì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chỉ khoảng 10%/năm"⁸. Còn nếu như tính tới bù đắp các tổn thất tài nguyên và môi trường thì mức tăng này có thể sẽ không còn là niềm tự hào quốc gia về thành tích phát

⁷ Năm 2009, 5 mặt hàng nông sản Việt Nam có trị giá xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD là: hàng thủy sản (4.251 triệu USD); gỗ và sản phẩm gỗ (2.598 triệu USD); gạo (2.664 triệu USD); cà phê (1.731 triệu USD); cao su (1.227 triệu USD) và 5 sản phẩm công nghiệp xuất khẩu có giá trị trên 1 tỷ USD là: hàng dệt may (9.066 triệu USD); dầu thô (6.195 triệu USD); giày dép (4.067 triệu USD); hàng điện tử (2.763 triệu USD); than đá (1.317 triệu USD).

⁸ Nguồn: Bộ KH&ĐT-UNDP, Báo cáo nghiên cứu đánh giá giữa kỳ dựa trên kết quả "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010", H. tháng 5 năm 2009.

triển nữa. Trong tầm nhìn trung hạn tiêu dùng trong nước sẽ tiếp tục tăng cao (do thu nhập người dân được cải thiện nhanh) và kim ngạch xuất khẩu cũng sẽ tăng mạnh (vì hiện tại kim ngạch xuất khẩu tính trên đầu người còn nhỏ: năm 2006, xuất khẩu bình quân đầu người của Việt Nam mới đạt con số 473 USD trong khi của Xingapo là 61.868 USD, Malaixia: 6.233 USD, Thái Lan: 2.024 USD, Philippin: 557 USD). Những hệ lụy ẩn giấu sau sự tăng ấy sẽ làm tăng thêm đáng kể nguy cơ đối với tính cạnh tranh của các hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam.

Hiện tại, về mặt cạnh tranh trên "sân chơi" quốc tế và nội địa, các hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam cũng còn ở mức độ rất khiêm tốn, không chỉ do chất lượng, mẫu mã,... mà còn cả do các lợi thế cạnh tranh hiện có đang giảm dần (như giá công lao động rẻ, tiêu chuẩn môi trường thấp,...), đặc biệt là người tiêu dùng (trong nước, quốc tế) có nhu cầu ngày càng cao và khắt khe hơn về chất lượng, trong đó có vấn đề an toàn vệ sinh và môi trường.

Vậy là, nhìn từ góc độ phát triển bền vững, thương mại cũng đứng trước không ít các thách thức trong phát triển theo hướng bền vững. Hoạt động thương mại là một khâu của chu trình kinh tế. Nền kinh tế nước nhà hiện được đánh giá là phát triển chưa bền vững, thương mại mặc dù có đóng góp to lớn và tích cực đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế, nhưng cũng là chưa bền vững. Các vấn đề chủ yếu trong phát triển thương mại theo hướng bền vững đã được cảnh báo trong Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Vietnam Agenda 21) ban hành năm 2004 (kèm theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) như là các vấn đề làm gia tăng nguy cơ phá vỡ tính bền vững của sự phát triển đến nay vẫn còn hiện hữu, là:

Việt Nam hiện xuất khẩu chủ yếu các mặt hàng thô và sơ chế, mặc dù đã bước đầu có những chuyển biến tích cực hơn trong cơ cấu mặt hàng theo hướng tăng sản phẩm

chế biến. Đẩy mạnh xuất khẩu đồng nghĩa với gia tăng khai thác tài nguyên. Nếu không bảo vệ, tái tạo, đồng thời từng bước chuyển sang chế biến sâu hơn, tinh hơn các nguồn nguyên vật liệu, thì nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ nhanh chóng bị cạn kiệt, môi trường bị quá tải và suy thoái.

Việc nhập khẩu hàng hóa chứa những chất độc hại, khó phân hủy cũng làm tăng khối lượng chất thải.

Việc nhập khẩu vật tư, thiết bị cũ và lạc hậu không những là tác nhân gây ra ô nhiễm môi trường, mà còn cản trở việc nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh, gây tác hại tới sức khỏe cộng đồng.

Sau khi gia nhập chính thức WTO, hội nhập ngày càng sâu rộng vào sân chơi quốc tế, quy mô hoạt động thương mại của đất nước ngày càng được mở rộng, nhưng đồng thời cũng tạo ra và làm nổi rõ hơn một số vấn đề liên quan tới phát triển bền vững, là:

a) *Tiêu dùng chưa được định hướng rõ ràng vào đáp ứng yêu cầu bền vững.* Thương mại gắn với tiêu dùng. Tiêu dùng là cơ sở cho hoạt động thương mại. Tiêu dùng bao gồm cả tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân. Cùng với sản xuất bền vững, tiêu dùng bền vững hiện đang là một định hướng quan trọng trong các quyết định ở mọi cấp độ phát triển (quốc gia, ngành, doanh nghiệp, cá nhân). Sự chưa rõ ràng trong định hướng tiêu dùng vào yêu cầu bền vững thể hiện ở những điểm sau:

Gia tăng tiêu dùng sản xuất hiện nay ở nước ta ít kèm theo gia tăng hiệu quả sử dụng. Tài nguyên khoáng sản của đất nước được đánh giá là phong phú, đa dạng nhưng trữ lượng không nhiều, có tài nguyên lại đang cạn kiệt, có nguy cơ không đủ để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước (than đá, thiếc, chì, kẽm, antimon, niken, đồng, mangan, ...). Sự gia tăng tiêu dùng nguyên vật liệu, năng lượng lại xảy ra trong bối cảnh giá cả nguyên vật liệu, năng lượng được khai thác ở trong nước và nhập khẩu

từ bên ngoài có xu hướng ngày càng gia tăng và triển vọng cải thiện trình độ công nghệ sản xuất ít sáng sủa trong tầm nhìn trung hạn, thì trong nhiều trường hợp gia tăng tiêu dùng lại làm giảm hiệu quả sản xuất khi nhìn từ góc độ phát triển bền vững.

Tiêu dùng của dân cư được đánh giá không chỉ là không phù hợp với mức sống, mức thu nhập, mà còn lãng phí về kinh tế, gây ô nhiễm môi trường. Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Vietnam Agenda 21) đã cảnh báo rằng: “Mô hình tiêu dùng của dân cư đang diễn biến theo truyền thống của các quốc gia phát triển, tiêu tốn nhiều nguyên vật liệu, năng lượng và thải ra nhiều chất thải độc hại”. Sự cảnh báo ấy vẫn đang hiện hữu trong tiêu dùng ở nước ta.

Gia tăng tiêu dùng (cả tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân) đang làm gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường. Các Báo cáo hiện trạng môi trường Việt Nam hàng năm đều cảnh báo sự gia tăng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ở các đô thị, mà nguyên nhân chủ yếu là sự phát triển sản xuất, sự phát triển tiêu dùng trong sản xuất và trong sinh hoạt ở các đô thị kèm theo sự gia tăng với tốc độ cao hơn của các loại chất thải khó phân hủy, xử lý tốn kém (rắn, lỏng, khí, độc hại, ...).

Tiêu dùng sản xuất không bền vững có xu hướng trở thành một cản trở lớn trong thương mại quốc tế của đất nước. Thị trường quốc tế có những hàng rào kỹ thuật mà mọi quốc gia khi tham gia phải tuân thủ. Trong số các rào cản kỹ thuật ấy, thì việc đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường đang là một khó khăn không nhỏ mà các doanh nghiệp Việt Nam đang cố gắng vượt qua⁹. Việc lạm dụng tài nguyên thiên nhiên, sử dụng các hóa chất độc hại làm ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe của người tiêu dùng đang gây khó khăn tổn thất kinh tế không nhỏ cho các sản phẩm xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.

b) Hoạt động thương mại còn ít gắn bó với bảo vệ môi trường.

Mối liên hệ thương mại và môi trường đã được khẳng định và đã có nhiều quy định quốc tế thể hiện mối liên hệ này, trong đó các quy định về rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế của WTO là những tự trung cụ thể nhất, bởi không chỉ quy định, mà kèm theo đó là cả hệ thống thiết chế cho việc giám sát và cưỡng chế thi hành. Việt Nam đang trong quá trình hội nhập đầy đủ với các quy định thương mại quốc tế và đang cố gắng đáp ứng các quy định ấy theo lộ trình đã cam kết. Tuy vậy, đối với các quy định về môi trường thì còn có nhiều bất cập.

Sự ít gắn bó với bảo vệ môi trường của hoạt động thương mại nước ta một phần thể hiện trong tiêu dùng như đã nói ở trên, phần khác thể hiện ở chính tác động của các hàng hóa, dịch vụ mà các hoạt động thương mại hướng vào kinh doanh. Như đã đề cập ở trên, trong thương mại quốc tế, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là thuộc loại thâm dụng tài nguyên, mức độ chế biến thấp. Còn trong thương mại nội địa, các mặt hàng lưu thông (sản xuất trong nước và nhập khẩu) cũng là ít/không thân thiện với môi trường thể hiện ở cả thâm dụng tài nguyên, năng lượng, chất lượng thấp, hàm lượng chất độc hại vượt quy định và ở cả những hàng hóa cấm lưu thông nhưng không quản lý được (nhập lậu), như hàng hóa có chứa các chất độc hại, cây trồng, vật nuôi phá hoại môi trường, ... cũng như ở lượng chất thải khó phân hủy gia tăng mạnh từ hoạt động thương mại (bao bì làm từ nilon và các nguyên vật liệu khó phân hủy khác). Một nghiên cứu gần đây (2010) của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và môi trường phục vụ cho soạn thảo Kế hoạch tổng thể phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đến môi trường trong nước trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đã khái quát các tác động (tích cực, tiêu cực) của hoạt động xuất nhập khẩu ở nước ta thời gian qua, trong đó các tác động tiêu cực được lưu ý là làm cạn kiệt

⁹ Thậm chí còn bị thiệt hại kinh tế lớn bởi các áp đặt mức thuế cao hoặc cấm nhập hàng (tôm, cá, giấy dếp, nhựa, ...) của Việt Nam đã xảy ra trong một vài năm gần đây.

tài nguyên, mất cân bằng sinh thái và tiềm ẩn nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường. Nghiên cứu này cũng cảnh báo rằng, các tác động tiêu cực tới môi trường trong thời gian qua vẫn có xu hướng sẽ còn được tiếp tục diễn ra trong thời gian tới do những nguyên nhân chủ quan (cơ chế, chính sách, năng lực quản lý, nhận thức,...) và khách quan (nguồn lực, mất cân đối cung cầu,...), thậm chí còn cảnh báo rằng các hoạt động xuất nhập khẩu càng được mở rộng, tăng cường thì tác động tiêu cực sẽ càng lớn, nếu như không được đi kèm với sự cải thiện đáng kể công tác quản lý nhà nước ở tất cả các cấp, cũng như nhận thức và hành động của các bên liên quan trong xã hội. Một lưu ý gần đây nhất của Bộ Tài nguyên và môi trường cũng cho thấy rằng, ở nước ta "tình trạng nhập khẩu chất thải đang diễn ra khá phức tạp, tình trạng lợi dụng kẽ hở pháp luật còn nhiều, hàng nghìn container chứa chất thải không có đơn vị nhận nằm tại các cảng như: Hải Phòng, Đà Nẵng... gây ô nhiễm môi trường rất nghiêm trọng"¹⁰.

c) *Thể chế kinh tế thị trường còn chưa được xác lập đầy đủ*, làm méo mó môi trường hoạt động thương mại và ảnh hưởng tiêu cực tới thực hiện công bằng xã hội (phân phối lợi ích). Điều này có liên quan trước hết tới giá cả. Chính sách và cơ chế quản lý đối với giá cả hiện nay không chỉ làm cho lợi ích quốc gia bị tổn hại cả trên thị trường nội địa và trong thương mại quốc tế (thất thu), mà cả lợi ích của người sản xuất, người tiêu dùng cũng bị tổn hại, đặc biệt là người nông dân.

d) *Vai trò của cộng đồng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp còn mờ nhạt*.

Phát triển bền vững liên quan tới các chủ thể, trong đó có các cộng đồng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp. Trong hoạt động thương mại, đó trước hết là người sản xuất, người tiêu dùng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp của họ như hiệp hội thóc gạo, cà phê, ca cao, cao su, hội tiêu chuẩn và bảo vệ người tiêu dùng,... Về lý thuyết cũng như

trong thực tiễn thì tính bền vững trong phát triển phụ thuộc một phần quan trọng vào sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp. Trong số các chỉ báo (indicators) về phát triển bền vững, có chỉ báo về vai trò và sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp. Trong hoạt động thương mại, vai trò của cộng đồng và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp liên quan tới người sản xuất, người tiêu dùng còn khá khiêm tốn, mờ nhạt. Mạng lưới thương mại (hệ thống bán buôn, bán lẻ) được tổ chức và vận hành còn chưa thật tốt, trong đó sự gắn kết giữa các đầu mối trong mạng lưới còn ít có sự tham gia của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan, cũng như tiếng nói của người tiêu dùng còn khá khiêm tốn. Những hiện tượng lộn xộn không được quản lý kéo dài trong nhiều năm qua về giá một số mặt hàng thiết yếu, quan trọng đối với người tiêu dùng như sữa, thuốc tân dược,... và đối với người sản xuất như lúa, cà phê, thủy sản,... mà các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, truyền hình) đã phản ánh, làm thiệt hại không chỉ tới lợi ích (thu nhập) của người tiêu dùng mà còn gây tác động tiêu cực tới tâm lý xã hội (lo lắng, mất lòng tin...).

Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 đã xác định quan điểm chỉ đạo "phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong chiến lược". Yêu cầu này cần được cụ thể hóa trong tất cả các lĩnh vực phát triển. Đối với hoạt động thương mại, với những điều đã trình bày ở trên, các yêu cầu này có thể được cụ thể hóa là như sau:

Con người là trung tâm của phát triển thương mại. Nguyên tắc này là sự vận dụng và thể hiện nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững mà Đảng và Nhà nước ta đã xác định trong đường lối lãnh đạo và quản lý đất nước.

Thương mại gắn kết chặt chẽ với sản

¹⁰ Nguồn: website của Bộ Tài nguyên và môi trường: <http://www.monre.gov.vn/> ngày 22-3-2011.

xuất bền vững và tiêu dùng bền vững. Nguyên tắc này thể hiện vai trò và vị trí của thương mại trong hệ thống tái sản xuất xã hội vận động theo hướng bền vững. Sự kết nối này không chỉ là gắn kết đơn thuần, mà còn cả thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng phát triển theo hướng bền vững.

Lợi ích công bằng giữa các bên liên quan. Nguyên tắc này thể hiện nền tảng cho các mối quan hệ bền chặt và dài lâu giữa các bên liên quan. Các bên liên quan ở đây bao gồm cả các đối tác trong nước và quốc tế. Lợi ích ở đây bao gồm cả lợi ích kinh tế (doanh thu, lợi nhuận,...), lợi ích xã hội (việc làm, thu nhập,...), lợi ích môi trường (bảo vệ môi trường sinh thái,...).

Thương mại thân thiện môi trường (hay nói theo cách diễn đạt hiện nay là thương mại xanh¹¹). Nguyên tắc này thể hiện phần nội dung cơ bản của thương mại bền vững liên quan tới bảo vệ tài nguyên và môi trường, là các hoạt động phát triển thương mại không gây tổn hại tới môi trường và đóng góp tích cực vào ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường.

2. Một vài ý kiến về chính sách phát triển thương mại gắn với thực hiện yêu cầu phát triển bền vững giai đoạn 2011 - 2020

Cũng như phát triển bền vững, nội hàm của thương mại bền vững còn đang được định hình và cụ thể hóa ở nhiều quốc gia. Chính sách phát triển thương mại gắn với thực hiện yêu cầu phát triển bền vững được đặt trên cơ sở sự cụ thể hóa này. Ở nước ta mới xác định chính thức quan niệm và các nội dung cơ bản của phát triển bền vững đất nước, thể hiện tại văn bản "Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam" (ban hành kèm theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17-8-2004 của Thủ tướng Chính phủ số). Tuy vậy, phát triển thương mại bền vững thì còn chưa có được một quan niệm chính thức và cụ thể như vậy. Về phương diện cơ sở khoa học, có một thực tế là cho đến nay chính sách phát triển

các lĩnh vực (công nghiệp, nông nghiệp, thương mại,...) và gắn với quản lý nhà nước là các ngành ở nước ta thường được hoạch định trên cơ sở quan niệm nhằm phục vụ phát triển bền vững đất nước, chứ chưa phải đích thực là phát triển bền vững lĩnh vực (ngành). Chủ đề Hội thảo này "Chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020" do Bộ Công Thương tổ chức là một minh chứng. Tôi nghĩ rằng để "nhằm phát triển bền vững" thì bản thân sự phát triển của lĩnh vực (ngành) phải bền vững như là tất yếu. Đối với lĩnh vực thương mại, điều này làm nảy sinh nhu cầu xác định nội hàm "phát triển thương mại bền vững" và ban hành chính thức giống như đã ban hành đối với phát triển bền vững quốc gia và một số địa phương (tỉnh, thành phố). Hiện đã có những nghiên cứu ở trong và nước ngoài về phát triển bền vững thương mại với những nội dung khá phong phú và cũng rất cần sự chính thức hóa, trước hết cho hoạch định chính sách phát triển lĩnh vực thương mại. Tại Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg nói trên đã yêu cầu các bộ, ngành, địa phương "căn cứ vào Định hướng chiến lược về phát triển bền vững ở Việt Nam, xây dựng và thực hiện Định hướng chiến lược phát triển bền vững của bộ, ngành và địa phương mình" và Bộ Kế hoạch và đầu tư cũng đã có Thông tư số 01/2005/TT-BKH ngày 9-3-2005 hướng dẫn triển khai Quyết định nói trên của Thủ tướng Chính phủ.

Nêu vấn đề như vậy nhưng trong khuôn khổ bài viết không thể đề cập kỹ lưỡng, mà ở đây chỉ xin nêu sơ bộ về nội hàm của phát triển bền vững thương mại như là cơ sở cho

¹¹ Trong bối cảnh ứng phó với tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, hiện nay người ta nhấn mạnh tới yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, trong đó có hướng vào sản xuất và tiêu dùng loại sản phẩm "ít cacbon" (low carbon). Thương mại xanh cũng là thương mại thân thiện môi trường với sự nhấn mạnh tới tính chất "ít cacbon" của các hàng hóa, dịch vụ.

đóng góp một vài đề xuất (đúng hơn là gợi ý) về chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững ở nước ta trong chặng đường 10 năm tới (2011 - 2020).

Bên cạnh nội dung cơ bản của phát triển bền vững đất nước, nói chung, thì phát triển bền vững thương mại cần có thêm 2 nội hàm sau:

Thứ nhất, kết nối tốt và vững chắc với cả phía trước và phía sau của quá trình tái sản xuất xã hội. Phía trước là sản xuất và phía sau là tiêu dùng. Thương mại bền vững phải kết nối và hỗ trợ, thúc đẩy sản xuất bền vững và tiêu dùng bền vững. Nội hàm này xuất phát từ vị trí, vai trò, sứ mệnh đích thực của thương mại trong quá trình tái sản xuất xã hội là gắn kết cung với cầu.

Thứ hai, chia sẻ công bằng lợi ích của các bên liên quan. Nền tảng của các mối quan hệ xã hội nói chung và phát triển nói riêng là hài hòa lợi ích của các bên quan hệ (đối tác). Khó có thể duy trì lâu dài quan hệ nếu như lợi ích của bên nào đó bị xâm hại, thua thiệt. Trong hội nhập nói chung, hiện nay người ta thường nói tới nguyên tắc "các bên cùng có lợi" (win-win).

Với 2 nội hàm nêu trên dưới đây nêu một số ý kiến về mối quan hệ giữa phát triển xuất, nhập khẩu với bảo vệ môi trường.

Nhìn từ góc độ gắn kết với sản xuất và tiêu dùng bền vững, cùng với những điều chỉnh chung của nền kinh tế và các ngành sản xuất trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm tới (2011 - 2020) là chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chú trọng phát triển theo chiều sâu, coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường thì chính sách phát triển xuất, nhập khẩu cũng cần được hướng tới hỗ trợ, khuyến khích xuất, nhập khẩu các hàng hóa, dịch vụ thân thiện với môi trường. Các hỗ trợ, khuyến khích này cần được triển khai cả bằng các công cụ kinh tế, hành chính và cả bằng các rào cản kỹ thuật.

Đối với các công cụ kinh tế, hành chính: bên cạnh những tồn tại, thiếu hụt cần được rà soát, hoàn thiện, bổ sung và tăng cường,

tôi muốn nhấn mạnh tới các yếu kém, thiếu hụt về các dịch vụ hỗ trợ vốn được đánh giá là một trong những mắt xích yếu kém nhất trong nền kinh tế và được coi là một trong những nguyên nhân chính ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh còn thấp của nước ta. Trong hoạt động xuất, nhập khẩu, chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu không đơn giản và nhanh chóng được, nhưng các dịch vụ hỗ trợ thương mại có thể đóng góp nhiều hơn, tốt hơn, thúc đẩy cải thiện cơ cấu hàng hóa xuất, nhập khẩu hiện nay của nước ta thông qua cải thiện việc cung cấp dịch vụ và thông tin thị trường định hướng nhiều hơn vào các hàng hóa thân thiện với môi trường. Thí dụ như cung cấp thông tin và điều kiện để kiểm nghiệm các sản phẩm bị cấm trên thế giới và hậu quả môi trường của chúng, thông tin về các tiêu chuẩn môi trường liên quan tới sản phẩm, các quy định và tiêu chuẩn môi trường của một số nước là bạn hàng của Việt Nam, cơ chế chính sách nhập khẩu của các đối tác thương mại chính, quảng bá rộng rãi các thương hiệu thân thiện môi trường, nhân sinh thái,...

Có thể nên cân nhắc tới sự có mặt của loại chỉ tiêu (indicators) thể hiện tính bền vững về môi trường trong lĩnh vực thương mại nói chung và xuất, nhập khẩu nói riêng. Cũng nói thêm rằng, một khi đã đặt vấn đề "thương mại nhằm phát triển bền vững" hay "phát triển bền vững thương mại" như là yêu cầu trong chính sách phát triển thương mại, thì cũng cần có những chỉ tiêu/chỉ số (indicators) để theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện yêu cầu này. Thí dụ như số vụ kiện quốc tế đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam có nguyên do liên quan tới đáp ứng tiêu chuẩn môi trường, số vụ nhập lậu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu được phát hiện hay tỷ lệ loại mặt hàng xuất khẩu thô, ít qua chế biến, tỷ lệ hàng hóa nhập khẩu không/ít thân thiện môi trường. Các nhà khoa học có thể cung cấp các đề xuất tốt, phù hợp về các chỉ tiêu (indicators) như vậy.

Đối với các rào cản kỹ thuật: nhiều nước đã sử dụng các rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế như là công cụ quan trọng không chỉ cho mục tiêu kinh tế (doanh thu, lợi nhuận), xã hội (việc làm, thu nhập) mà còn cả cho mục tiêu môi trường. Việt Nam còn khá khiêm tốn trong sử dụng và sử dụng chưa hiệu quả loại công cụ này trong thương mại quốc tế. Các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường của nước ta hiện nay còn đang trong quá trình hoàn thiện và xây dựng với đánh giá chung là còn chưa đầy đủ và chưa ngang bằng (thấp hơn) so với chuẩn mực của nhiều nước có quan hệ thương mại với nước ta. Bên cạnh lý do dễ hiểu của sự chưa tương xứng này là những hệ lụy tiêu cực về môi trường, trong số các hàng hóa nhập khẩu vượt qua rào cản kỹ thuật của Việt Nam có cả những mặt hàng không/ít thân thiện môi trường, trong đó có mặt hàng tác động ngắn hạn (như hàng tiêu dùng) và có cả mặt hàng tác động lâu dài hơn như công nghệ tiêu tốn nhiều nguyên vật liệu, năng lượng, thải ra nhiều chất thải. Các rào cản kỹ thuật liên quan tới môi trường theo phân công quản lý nhà nước hiện nay do Bộ Tài nguyên và môi trường chủ trì soạn thảo với sự tham gia của các bộ ngành khác. Các nhà quản lý thương mại có thể đóng góp nhiều hơn vào xây dựng và đặc biệt là thực hiện các rào cản kỹ thuật về môi trường trong hoạt động xuất, nhập khẩu thông qua việc thực hiện nghiêm minh các quy định về môi trường, và cả về cảnh báo kịp thời diễn biến và xu

hướng có tác động xấu tới môi trường ở nước ta.

Trong 10 năm tới (2011 - 2020) việc định hướng chiến lược chuyển đổi mô hình phát triển đất nước hướng nhiều hơn, rõ ràng hơn, đầy đủ hơn vào đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững đòi hỏi các lĩnh vực phát triển cùng chung tay đóng góp. Trong bối cảnh phát triển mới với nhiều cơ hội mới theo đà phục hồi và phát triển của nền kinh tế thế giới, hoạt động thương mại nước ta chắc chắn sẽ tăng trưởng, phát triển mạnh mẽ và sự tăng trưởng phát triển mạnh mẽ này cũng cần đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của đất nước theo hướng bền vững. Để có thể đóng góp như vậy thì bản thân hoạt động thương mại trước hết phải có tính bền vững. /.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam, gọi tắt theo thông lệ quốc tế là Vietnam Agenda 21), ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17-8-2004.
2. Bộ KH&ĐT-UNDP/Dự án VIE01/021, "Ngưỡng phát triển và quan điểm về phát triển bền vững đối với Việt Nam", Báo cáo tại Hội thảo quốc tế, tổ chức tại Hà Nội, tháng 3-2002.
3. Bộ KH&ĐT-UNDP, Báo cáo nghiên cứu đánh giá giữa kỳ dựa trên kết quả "Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010", H. tháng 5-2009.